TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HS-ST
Ngày: 15-4-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Lợi;

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Dư Văn T (tên gọi khác C), sinh năm 1993 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Tổ E, phường A, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Dư Văn C1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: không; bị cáo có 02 anh, em ruột: lớn sinh năm 1990, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: không.

- Người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH K; địa chỉ: P, tòa nhà W, Số A, đường P, Phường B, quận T Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Đình H; địa chỉ: Số C, đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 29/UQ-VTG ngày 28 tháng 8 năm 2025). Vắng mặt.

2. Công ty TNHH S1 (GAS UNIQUE); địa chỉ trụ sở chính: Cảng G, xã P, huyện L tỉnh Đồng Nai (nay là: xã P tỉnh Đồng Nai); địa chỉ liên hệ: Lầu C, Tòa chung cư K số C B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Duy T2, địa chỉ: Số B, chung cư N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 2024-11/003/SUG-SE ngày 07 tháng 11 năm 2024). Vắng mặt.

3. Công ty TNHH MTV K1; địa chỉ: P, Lầu H, Tòa nhà S, Số C, N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn T3; địa chỉ: B tầng A, Copac S T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 49/2024/GUQ-GDS ngày 06 tháng 11 năm 2024). Có mặt.

4. Công ty TNHH T11; địa chỉ: Tổ B, đường H, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Văn B; địa chỉ: T, Khu V, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 15-2024/GUQ-VU ngày 06 tháng 11 năm 2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Công ty Cổ phần L2; địa chỉ: Số C, Đường số B, Khu phố G, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Anh T4, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, Đường số B, Khu phố G, Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2025). Vắng mặt.

6. Công ty TNHH S2; địa chỉ: Ấp B, xã P, Huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp: ông Đặng Gia B1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 09/UQ-SOPET ngày 05/12/2025. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Công ty cổ phần K2 (nay là Công ty TNHH E); địa chỉ: Cụm C, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Long An).

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Việt P, sinh năm 1990; địa chỉ: 2, đường L, Khu phố B, Tổ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 18/2025/GUQ-E1GAS ngày 09 tháng 10 năm 2025). Vắng mặt.

8. Công ty G1 (Việt Nam); địa chỉ: Số D đường P, Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Ngọc Q; địa chỉ: Số D, đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 05 tháng 12 năm 2025). Có mặt.

9. Ông Thân Văn D, sinh năm 1964 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T12; địa chỉ: E, ấp N, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hồng S; địa chỉ: địa chỉ: E Ấp N, xã B, huyện H,Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 30 tháng 10 năm 2025). Vắng mặt.

10. Công ty Cổ phần K3; địa chỉ: Số A đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T5; địa chỉ: E, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 30 tháng 10 năm 2025). Có mặt.

11. Công ty TNHH T13; địa chỉ: khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: ông Vương Đức T6; địa chỉ: Số B, đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 08 tháng 01 năm 2025). Có mặt.

12. Công ty Cổ phần T14; địa chỉ: Số A, Đường số C, R, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn H1, địa chỉ: Số F, Đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 09 tháng 01 năm 2025). Vắng mặt.

13. Công ty TNHH T15; địa chỉ: 2, Huỳnh Văn L, Tổ F, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố H).

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Văn H2; địa chỉ: 2, Huỳnh Văn L, Tổ F, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố H) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 01 tháng 12 năm 2025). Vắng mặt.

14. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Tầng D, Số A, đường T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Tầng E, Số F, đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

15. Công ty cổ phần T16; địa chỉ: P, Lầu H, Tòa nhà S, Số C, đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Võ Văn T7, sinh năm 1990; địa chỉ: A, Chung cư L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 1501/2025/GUQ-BMG tháng 01 năm 2025). Có mặt.

16. Công ty Cổ phần K; địa chỉ: Số A, đường C, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ((nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn T8, sinh năm 1985; địa chỉ: 4, Tổ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 15 tháng 8 năm 2025).

17. Công ty TNHH T17; địa chỉ: C đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường H tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Đình D1 sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 02.2025/UQ-TT ngày 01 tháng 7 năm 2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

18. Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố H; địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Công L1 sinh năm 1980; địa chỉ: 22.1, Tầng B, Block A, Chung cư T, T, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Văn T9; địa chỉ: Số E, A, M, Đồng Tháp là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 1544/UQ-DK-TCPCHC ngày 01/10/2025). Có mặt.

19. Công ty Cổ phần K4; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, Số A, phố T, phường Y, Quận C, Thành phố H (nay là phường Y, thành phố Hà Nội);

Người đại diện hợp pháp: bà Đỗ Kim O sinh năm 1981; địa chỉ: Số B, đường V, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 1544/UQ-DK-TCPCHC ngày 01/10/2025). Vắng mặt.

20. Công ty TNHH G2; địa chỉ: Số F, H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ chi nhánh: Số H, đường C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Phan Trọng V, sinh năm 1987; địa chỉ: Số H, Khu E, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 15/8/2025). Vắng mặt.

21. Công ty TNHH D2; địa chỉ: Số D, ấp M, xã B, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 2001; địa chỉ: 9, đường U, Khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 04/2026/UQ ngày 09/3/2026). Vắng mặt.

22. Công ty TNHH Một thành viên M; địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Duy T10, sinh năm 1951; địa chỉ: Số E, đường L, phường C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

23. Công ty TNHH T18; địa chỉ: Lô A, Đường số D, cụm C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Việt H4, sinh năm 1960; địa chỉ: Lô A, Đường số D, cụm C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2025). Vắng mặt.

24. Công ty TNHH K; địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: bà Phan Công Hoàng O1, sinh năm 1989; địa chỉ: 1, đường T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2025). Vắng mặt.

25. Công ty TNHH T14; địa chỉ: xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường G, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

26. Ông Nguyễn V1, sinh năm 1980; địa chỉ: D, đường Đ, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 6/2024, bị cáo Dư Văn T thuê 150m² đất tại bãi xe B, địa chỉ: Số H, Khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) từ ông Nguyễn V1 với giá 800.000 đồng/tháng để thực hiện hành vi chiết nạp khí gas LPG hóa lỏng trái phép. T đã cải tạo một thùng container làm nơi giao dịch, chiết nạp khí gas LPG hóa lỏng. Bị cáo T thu mua vỏ bình gas dân dụng loại 12kg, 13kg, 40kg đã hết hạn sử dụng của nhiều thương hiệu như Thủ Đức G, VT Gas, V-Gas, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, Pacific G...từ các cửa hàng phế liệu và sử dụng ống nhựa tự chế để chiết nạp khí gas LPG hóa lỏng. Khi có xe bồn chở khí gas LPG hóa lỏng

đến đỗ tại bãi xe nêu trên, T chủ động đến hỏi tài xế có gas thừa để bán hay không, nếu có gas thừa và tài xế đồng ý bán thì T sẽ yêu cầu tài xế điều khiển xe đến khu vực gần thùng container để thực hiện việc chiết, nạp trực tiếp từ các xe bồn sang các vỏ bình gas thông qua một đoạn ống nhựa tự chế có van ngắt, xả. Trong quá trình chiết, nạp các bình gas được để trên cân để xác định trọng lượng khí gas được bơm vào từ đó T xác định được số tiền phải trả cho các tài xế xe bồn. Cụ thể: bình loại 12kg, 13kg sau khi được nạp đầy khí gas, T trả tiền mặt cho tài xế với giá tiền 260.000 đồng/bình; bình 40kg sau khi được nạp đầy khí gas được T trả với giá tiền là 980.000 đồng/bình. Do những xe bồn bán khí gas LPG hóa lỏng cho T đều là xe bồn vãng lai nên T không biết nhân thân lai lịch của những người tài xế và cũng không rõ biển số của những xe bồn này. Những bình gas sau khi chiết nạp xong được T mang bán cho các quán ăn trên địa bàn phường A để kiếm lời, cụ thể bình loại 12kg, 13kg T bán với giá là 300.000 đồng đến 310.000 đồng/bình và bình 40kg bán với giá 1.100.000 đồng/bình.

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) phối hợp cùng Đội Quản lý thị trường S3 tiến hành kiểm tra địa điểm kinh doanh của bị cáo Dư Văn T. Kết quả kiểm tra, phát hiện tạm giữ 210 bình gas các loại có chứa khí gas LPG hóa lỏng, 211 vỏ bình gas các loại, 01 thùng container đã được cải tạo, 05 xe ô tô các loại, gồm: 01 xe hiệu ASIA biển số 51C-349.13; 01 xe hiệu ISUZU biển số 66C-007.05, 01 xe hiệu ISUZU biển số 51C-376.01, 01 xe hiệu JINBEI biển số 61C-253.00 và 01 xe hiệu KIA biển số 54T-9396. Toàn bộ vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) để thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Dư Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Ngoài ra, T còn khai nhận, T thuê một người thanh niên tên B2 (không rõ lai lịch) với số tiền là 7.000.000 đồng/tháng để cùng T chiết, nạp khí gas LPG hóa lỏng và chở bình gas đã được chiết, nạp đi tiêu thụ.

T hoạt động chiết, nạp khí gas LPG hóa lỏng trái phép từ đầu tháng 6/2024 đến ngày 17/9/2024 thì bị Cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện, sau khi trừ chi phí trả công nhân viên, trả tiền thuê đất, số tiền còn lại T thu lợi bất chính khoảng 30.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 11/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự ban hành Kết luận định giá tài sản số 194/KL-HĐĐGTS, kết luận 210 bình gas các loại chứa khí LPG thu giữ của Dư Văn T trị giá là 83.190.000 đồng.

Ngày 11/02/2025, Trung tâm T19 ban hành Thông báo kết quả giám định số 00002/N2.25/TD (có phụ lục kết quả giám định kèm theo) kết luận như sau: tại thời điểm thu mẫu, bên trong xe bồn 51C-349.13 không còn khí gas nên không có căn cứ giám định; đối với khí gas bên trong 210 bình của 25 nhãn hiệu gas khác nhau, kết quả giám định xác định tất cả các mẫu khí gas đều phù hợp quy chuẩn quốc gia Việt Nam về khí dầu mỏ hóa lỏng. Riêng so sánh về tiêu

chuẩn cơ sở của từng nhãn hiệu gas, kết quả xác định khí gas bên trong 15 bình gas nhãn hiệu V-gas không phù hợp Tiêu chuẩn cơ sở công bố của công ty, khí gas bên trong 195 bình gas của các nhãn hiệu gas còn lại phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở công bố của công ty.

Ngày 06/5/2025, Sở Công Thương tỉnh B (nay là Sở C, Thành phố Hồ Chí Minh) có Công văn số 1528/SCT-QLNL&KTAT, kết luận: những bình gas tạm giữ của Dư Văn T được chiết, nạp không đúng quy trình, quy định, không đảm bảo an toàn cháy nổ theo quy định của Nhà nước và hoạt động chiết, nạp khí gas của Dư Văn T không được Cơ quan Nhà nước cấp phép hoạt động.

Đại diện công ty sản xuất, phân phối của những thương hiệu gas liên quan trong vụ án đều xác định tất cả các sản phẩm bình gas chính hãng của công ty đều được sản xuất tại các Nhà xưởng có trang bị dây chuyền máy móc hiện đại và được Cơ quan quản lý Nhà nước cấp phép đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn cháy nổ. Trước khi được xuất xưởng, phân phối ra thị trường, các sản phẩm gas chính hãng bắt buộc phải được dán tem chống hàng giả và niêm phong bằng màng co chính hãng của công ty (đã được đăng ký sở hữu trí tuệ). Mặt khác, tất cả các công ty đều không ký hợp đồng san, chiết hay phân phối sản phẩm bình gas với Dư Văn T hay bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác tại bãi xe B. Do đó, những bình gas mà Cơ quan Công an thu giữ của Dư Văn T hoàn toàn không phải hàng chính hãng do các công ty trên sản xuất.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 210 bình gas các loại có chứa khí gas LPG hóa lỏng của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas……(tất cả đều không có màng co, không dán tem chống hàng giả);

- 211 vỏ bình gas các loại của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas……;

- 01 thùng container đã được cải tạo;

- 01 xe bồn nhãn hiệu ASIA biển số 51C-349.13;

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 66C-007.05;

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 51C-376.01;

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu JINBEI biển số 61C-253.00;

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 54T-9396.

Tại Cáo trạng số: 770/CT-VKS-P3 ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Dư Văn T về Tội sản xuất mua bán hàng giả theo điểm a, khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dư Văn T về Tội sản xuất, buôn bán hàng giả, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

điểm a khoản 1 Điều 192; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Dư Văn T từ 03 năm đến 04 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố H yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng. Tất cả các Công ty còn lại có nguyện vọng được nhận lại vỏ bình ga, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 210 bình gas các loại có chứa khí gas LPG hóa lỏng của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas……(tất cả đều không có màng co, không dán tem chống hàng giả) đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 211 vỏ bình gas các loại của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas…… đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các tài sản sau đề nghị tích thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 thùng container đã được cải tạo;

+ 01 xe bồn nhãn hiệu ASIA biển số 51C-349.13;

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 66C-007.05;

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 51C-376.01;

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu JINBEI biển số 61C-253.00;

+ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 54T-9396.

Đối với người thanh niên tên B2 được T thuê chiết, nạp khí gas LPG hóa lỏng mang đi tiêu thụ và một số tài xế xe bồn đã bán khí gas LPG hóa lỏng cho T hiện không rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về kết quả giám định.

Đối với ông Nguyễn V1, không biết việc Dư Văn T thuê đất sử dụng làm địa điểm để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và trách nhiệm dân sự. Riêng hình phạt bị cáo có ý kiến là nặng so với hành vi của bị cáo. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về chăm sóc gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và kết quả giám định chất lượng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Trong thời gian từ đầu tháng 6/2024 đến ngày 17/9/2024, Dư Văn T đã mua bán khí gas LPG hóa lỏng của nhiều thương hiệu gas như: Thủ Đức G, VT G, V-Gas, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, P…,. Sau đó thực hiện việc chiết, nạp khí gas trái phép vào các bình gas của các thương hiệu nêu trên, bán ra thị trường thu lợi bất chính. Tổng số hàng hóa bị thu giữ là 210 bình gas các loại qua định giá trị giá 83.190.000 đồng, T đã thu lợi bất chính khoảng 30.000.000 đồng từ hoạt động này. Do đó, Dư Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" với trị giá hàng hóa là 83.190.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi sử dụng nhãn hiệu, bao bì (vỏ bình) có thật của các Công ty khác để chiết nạp khí gas của Công ty G3–gas vào mục đích giả mạo hàng hóa của công ty sản xuất khác, giả mạo về nguồn gốc của sản phẩm được quy định tại khoản 7 Điều 3 của Chính phủ quy định về hàng giả với trị giá hàng hóa là 83.190.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "sản xuất, buôn bán hàng giả" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 770/CT-VKS-P3 ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên Khu vực 16 truy tố bị cáo Dư Văn T về tội "sản xuất, buôn bán hàng giả" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại của Nhà nước, đồng thời ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất, phân phối, buôn bán hàng hóa và người tiêu dùng, đặc biệt là vấn đề an toàn cháy nổ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố H. Đây là những tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về hình phạt: xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, hành phi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến quyền lợi của người sản xuất và người tiêu dùng, đặc biệt là không đảm bảo an toàn cháy nổ. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[09] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố H.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 210 bình gas các loại có chứa khí gas LPG hóa lỏng của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas……(tất cả đều không có màng co, không dán tem chống hàng giả) và 211 vỏ bình gas các loại của nhiều thương hiệu trên thị trường như: Thủ Đức G, VT G, V – G, So Pet One G, Sài Gòn P, Dầu Khí G, Gia Đình G, H Gas Pacific Gas…bị cáo mua trôi nổi trên thị trường, không xác định được người bán. Mặt khác, vỏ bình gas của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, sau khi phân phối ra thị trường đều ký hợp đồng ràng buộc trách nhiệm và các đại lý phân phối đều phải ký cược cho các Công ty. Như vậy, quyền lợi của họ đối với các loại bình gas phân phối ra thị trường đã được đảm bảo, nếu các đại lý làm mất mát, hư hỏng thì phải chịu trách nhiệm với các Công ty. Trường hợp Công ty và các đại lý phân phối có tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng vụ án dân sự. Mặt khác, các bình gas này đều được bị cáo mua trôi nổi trên thị trường, không rõ nguồn gốc, không xác định được chủ sở hữu là ai. Vì vậy, không có căn cứ để trả lại bình gas theo yêu cầu của các Công ty.

Bị cáo dùng các bình gas để thực hiện hành vi sang chiết khí ga, mua bán khí gas trái phép là phương tiện, công cụ phạm tội, các bình gas vẫn còn giá trị sử dụng. Vì vậy, cần tuyên tịch thu tiêu hủy đối với khí gas chứa trong 210 bình gas và tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước đối với 421 bình ga các loại.

- Đối với các tài sản: 01 thùng container đã được cải tạo; 01 xe bồn nhãn hiệu ASIA biển số 51C-349.13; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 66C-007.05; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 51C-376.01; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu JINBEI biển số 61C-253.00 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 54T-9396 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính 30.000.000 đồng từ hành vi phạm tội, cần yêu cầu bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Đối với hành vi của người thanh niên tên B2 được T thuê chiết, nạp khí gas LPG hóa lỏng mang đi tiêu thụ và những tài xế xe bồn đã bán khí gas LPG hóa lỏng cho T hiện không rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Đối với ông Nguyễn V1, không biết việc Dư Văn T thuê đất sử dụng làm địa điểm để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, điều luật áp dụng, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo mới phù hợp. Đối với việc xử lý vật chứng đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 421 bình gas (trong đó có 210 bình gas chứa khí gas) theo phân tích tại [10] là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[14] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Dư Văn T phạm "Tội sản xuất, buôn bán hàng giả".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192; điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Dư Văn T từ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 589, 601 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo Dư Văn T đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH một thành viên dầu khí Thành phố H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006494 ngày 14/4/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 66C-007.05, SM: 689323, SK JAANHR55EY7100453 (Bị gỉ sét nhiều nơi, kèm theo hình ảnh).

+ 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển số 51C-376.01; SM: 584617, SK: JAANHREX7100024 (Bị gỉ sét nhiều nơi, kèm theo hình ảnh).

+ 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu JINBEI biển số 61C-253.00, SM: 490QC0588394A, SK: LSYC5SRL95H024460 (kèm theo hình ảnh).

+ 01 (một) xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 54T-9396, SM: JT504102, SK: KNCWE1124703172 (kèm theo hình ảnh).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/02/2026)

+ 01 (một) thùng container đã được cải tạo;

+ 01 (một) xe bồn nhãn hiệu ASIA biển số 51C-349.13, SM: D2366T300173CB, SK: KN4PET1PK006338 (bị hư hỏng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/02/2026).

- 210 (hai trăm mười) bình gas LPG các loại có chứa khí hóa lỏng (không đóng màng co, không dán tem chống hàng giả) của nhiều thương hiệu trên thị trường, trong đó:

+ Có 79 (bảy mươi chín) bình gas LPG gồm: 02 (hai) bình loại 45 kg, 76 (bảy mươi sáu) bình loại 12 kg, 01 (một) bình loại 06 kg.

+ Có 79 (bảy mươi chín) bình gas LPG loại 12 kg.

+ Có 52 bình gas LPG gồm: 03 (ba) bình loại 45 kg, 01 (một) bình loại 30 kg, 04 (bốn) bình loại 20 kg, 42 (bốn mươi hai) bình loại 12 kg, 02 (hai) bình loại 06 kg.

Tịch thu tiêu hủy khí hóa lỏng có trong 210 bình gas nêu trên và tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 210 vỏ bình gas nêu trên.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 211 (hai trăm mười một) bình gas LPG các loại của nhiều thương hiệu trên thị trường, trong đó:

+ Có 12 (mười hai) bình gas LPG loại 12 kg.

+ Có 71 (bảy mươi mốt) vỏ bình gas LPG gồm: 08 (tám) bình loại 45 kg, 63 (sáu mươi ba) bình loại 12 kg.

+ Có 04 (bốn) vỏ bình gas LPG 45 kg.

+ Có 124 (một trăm hai mươi bốn) vỏ bình gas LPG 45 kg.

- Buộc bị cáo Dư Văn T nộp lại số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền thu lợi bất chính sung vào Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Dư Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA hình sự;
- UBND xã, phường bị cáo thường trú;
- Phòng PV 06 CA Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PC 10 CA Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Khu vực Lái Thiêu;
- Lưu: VT, HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm